VĂN BẢN QUY PHẠM PHÁP LUẬT

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI

BỘ LAO ĐỘNG - THƯƠNG BINH VÀ XÃ HỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 04/2019/TT-BLĐTBXH	*Hà Nội, ngày 21 tháng 01 năm 2019*

THÔNG TƯ
Hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa

Căn cứ Nghị định số 14/2017/NĐ-CP ngày 17 tháng 02 năm 2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội;

Căn cứ Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa;

Căn cứ Nghị định số 51/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ; Nghị định số 52/2016/NĐ-CP ngày 13 tháng 6 năm 2016 của Chính phủ quy định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Quan hệ lao động và Tiền lương;

Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa.

Mục 1
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này hướng dẫn quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người lao động, Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát

viên Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP ngày 08 tháng 3 năm 2018 của Chính phủ về việc thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa (sau đây gọi tắt là Nghị định số 34/2018/NĐ-CP), bao gồm:

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa được thành lập, tổ chức và hoạt động theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP;

2. Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế thành lập, tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa đã sắp xếp lại tổ chức bộ máy, bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP.

Các Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa quy định tại Khoản 1 và Khoản 2 Điều này sau đây gọi chung là Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Người lao động làm việc theo hợp đồng lao động.

2. Chủ tịch, Giám đốc, Phó Giám đốc, Kế toán trưởng, Kiểm soát viên (sau đây gọi chung là người quản lý).

3. Cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan đến quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng quy định tại Thông tư này.

Mục 2
QUẢN LÝ LAO ĐỘNG, TIỀN LƯƠNG, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI LAO ĐỘNG

Điều 3. Thang lương, bảng lương và phụ cấp lương

Quỹ bảo lãnh tín dụng xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động theo quy định tại Điều 93 của Bộ luật Lao động, Nghị định số 49/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Bộ luật lao động về tiền lương và Thông tư số 17/2015/TT-BLĐTBXH ngày 22 tháng 4 năm 2015 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn xây dựng thang lương, bảng lương, phụ cấp lương và chuyển xếp lương đối với người lao động trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước làm chủ sở hữu.

Điều 4. Quản lý lao động, xác định quỹ tiền lương, tạm ứng quỹ tiền lương, phân phối tiền lương, tiền thưởng

1. Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện quản lý lao động, xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện, tạm ứng và phân phối tiền lương, tiền thưởng đối với người lao động theo quy định tại Mục 2; Điều 9, 10, 13 Mục 3 và Mục 4 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện quản lý lao động, tiền lương và tiền thưởng đối với người lao động làm việc trong công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH).

2. Khi xác định mức tiền lương bình quân kế hoạch, mức tiền lương bình quân thực hiện để tính quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện theo quy định tại Điều 9 và Điều 14 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH thì chỉ tiêu lợi nhuận (lợi nhuận kế hoạch, lợi nhuận thực hiện trong năm và lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề) được tính bằng chỉ tiêu số chênh lệch giữa tổng số thu nhập và tổng số chi phí (sau đây gọi tắt là chênh lệch thu trừ chi) của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

Điều 5. Loại trừ các yếu tố khách quan khi xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động

1. Khi xác định quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người lao động, Quỹ bảo lãnh tín dụng loại trừ các yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động và chênh lệch thu trừ chi, bao gồm:

a) Ảnh hưởng của các yếu tố khách quan quy định tại Điều 11 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH;

b) Nhà nước điều chỉnh chính sách chi phí bảo lãnh tín dụng làm ảnh hưởng đến kết quả tài chính của Quỹ bảo lãnh tín dụng hoặc việc miễn, giảm chi phí bảo lãnh tín dụng theo quy định tại điểm b, Khoản 2 Điều 49 Nghị định số 34/2018/NĐ-CP.

2. Việc loại trừ yếu tố khách quan quy định tại Khoản 1 Điều này phải được lượng hóa bằng số liệu và loại trừ theo nguyên tắc: Yếu tố khách quan làm giảm năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi thì được cộng phần năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi giảm vào chỉ tiêu năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi; Yếu tố khách quan làm tăng năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi thì phải giảm trừ phần năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi tăng vào chỉ tiêu năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi.

Mục 3
TIỀN LƯƠNG, THÙ LAO, TIỀN THƯỞNG ĐỐI VỚI NGƯỜI QUẢN LÝ

Điều 6. Xếp lương, chuyển xếp lương đối với người quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng chuyên trách

Quỹ bảo lãnh tín dụng thực hiện việc xếp lương, chuyển xếp lương đối với người quản lý chuyên trách theo quy định tại Mục 2 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH ngày 01 tháng 9 năm 2016 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội hướng dẫn thực hiện chế độ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do Nhà nước nắm giữ 100% vốn điều lệ (sau đây gọi tắt là Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH). Căn cứ vào tiêu chuẩn xếp hạng ban hành tại Phụ lục kèm theo Thông tư này, Quỹ bảo lãnh tín dụng định hạng làm cơ sở xác định mức tiền lương chế độ, mức lương cơ bản đối với người quản lý chuyên trách.

Điều 7. Xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý

1. Việc xác định mức tiền lương bình quân, quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch; quỹ tiền lương, thù lao thực hiện; quỹ tiền thưởng; trả lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý Quỹ bảo lãnh tín dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 3, 9, 11, 12, 14, 15, 16, 17, 18 và Khoản 1, 3, 4, 5, 6 Điều 10 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH.

2. Khi xác định mức tiền lương bình quân, quỹ tiền lương kế hoạch, quỹ tiền lương thực hiện của người quản lý chuyên trách theo quy định tại Khoản 1 Điều này, thì chỉ tiêu lợi nhuận (lợi nhuận kế hoạch, lợi nhuận thực hiện trong năm và lợi nhuận thực hiện của năm trước liền kề) được tính bằng chỉ tiêu chênh lệch thu trừ chi, trong đó đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng bảo đảm đủ các điều kiện: bảo toàn và phát triển vốn nhà nước; nộp thuế và các khoản nộp ngân sách, trích quỹ dự phòng rủi ro theo đúng quy định của pháp luật; năng suất lao động bình quân không giảm và chênh lệch thu trừ chi kế hoạch cao hơn thực hiện của năm trước liền kề thì mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách được xác định như sau:

$$\mathbf{TL_{bqkh} = TL_{cb} + TL_{cb} \times H_{ln}}$$

Trong đó:

- TL_{bqkh}: Mức tiền lương bình quân kế hoạch của người quản lý chuyên trách;

- TL_{cb}: Mức lương cơ bản của người quản lý chuyên trách được xác định theo Khoản 1 Điều 10 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH;

- H_{ln}: Hệ số lương tăng thêm so với mức lương cơ bản gắn với mức chênh lệch thu trừ chi như sau: mức chênh lệch dưới 03 tỷ thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,3; mức chênh lệch từ 03 tỷ đến dưới 5 tỷ thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,5; mức chênh lệch từ 5 tỷ đến dưới 10 tỷ thì H_{ln} được tính tối đa bằng 0,7; mức chênh lệch từ 10 tỷ trở lên thì H_{ln} được tính tối đa bằng 1,0.

3. Khi xác định thù lao của người quản lý không chuyên trách, trường hợp Quỹ bảo lãnh tín dụng không có người quản lý chuyên trách tương ứng để xác định mức thù lao của người quản lý không chuyên trách theo Khoản 2, Điều 3 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH thì thực hiện như sau:

a) Xác định mức tiền lương tối đa của từng người quản lý chuyên trách theo quy định tại Khoản 2 Điều này;

b) Xác định mức thù lao của người quản lý không chuyên trách theo công việc và thời gian làm việc, nhưng không vượt quá 20% mức tiền lương của người quản lý chuyên trách tương ứng theo điểm a, Khoản 3 Điều này.

Điều 8. Loại trừ yếu tố khách quan khi xác định tiền lương, thù lao, tiền thưởng đối với người quản lý

Khi xác định quỹ tiền lương, thù lao kế hoạch; quỹ tiền lương, thù lao thực hiện, Quỹ bảo lãnh tín dụng loại trừ yếu tố khách quan ảnh hưởng đến năng suất lao động, chênh lệch thu trừ chi theo quy định tại Điều 5 Thông tư này.

Mục 4
TRÁCH NHIỆM THỰC HIỆN VÀ HIỆU LỰC THI HÀNH

Điều 9. Trách nhiệm thực hiện

1. Trách nhiệm của Quỹ bảo lãnh tín dụng:

a) Giám đốc Quỹ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 17 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH;

b) Chủ tịch Quỹ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 18, Khoản 4 Điều 22 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH; Điều 20, Khoản 4 Điều 25 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH. Khi gửi báo cáo tiền lương,

tiền thưởng cho cơ quan đại diện chủ sở hữu thì đồng thời gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, kiểm tra và giám sát chung;

c) Kiểm soát viên có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 19 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH, Điều 21 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Quỹ bảo lãnh tín dụng.

2. Cơ quan đại diện chủ sở hữu đối với Quỹ bảo lãnh tín dụng có trách nhiệm thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 20 Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH; Điều 19, Điều 22 Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH. Khi gửi ý kiến cho Quỹ về quỹ tiền lương, tiền thưởng hàng năm thì đồng thời gửi Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để theo dõi, giám sát chung.

Điều 10. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 08 tháng 3 năm 2019. Các chế độ quy định tại Thông tư này được áp dụng để xác định quỹ tiền lương, thù lao, tiền thưởng và trả lương, thù lao, tiền thưởng từ ngày 01 tháng 01 năm 2019.

2. Đối với các Quỹ bảo lãnh tín dụng cho doanh nghiệp nhỏ và vừa hoạt động theo Quyết định số 58/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ nhưng chưa sắp xếp lại tổ chức bộ máy, bổ sung vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 34/2018/NĐ-CP thì tiếp tục thực hiện quản lý lao động, tiền lương, thù lao, tiền thưởng theo quy định tại Thông tư số 26/2016/TT-BLĐTBXH và Thông tư số 27/2016/TT-BLĐTBXH.

Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc, đề nghị cơ quan, tổ chức phản ánh về Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội để hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Doãn Mậu Diệp

PHỤ LỤC
TIÊU CHUẨN XẾP HẠNG QUỸ BẢO LÃNH TÍN DỤNG CHO DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA
(Ban hành kèm theo Thông tư số 04/2019/TT-BLĐTBXH ngày 21/01/2019 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội)

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Giá trị	Điểm
I	**Độ phức tạp quản lý**			**50**
1	Vốn	(tỷ đồng)	≥ 200	15
			120 - < 200	5 - 14
			< 120	4
2	Doanh thu và thu nhập khác	(tỷ đồng)	≥ 20	10
			7 - < 20	4 - 9
			< 7	3
3	Dư nợ bảo lãnh	(tỷ đồng)	≥ 100	15
			50 - < 100	6 - 14
			< 50	5
4	Lao động	(người)	≥ 50	10
			30 - < 50	4 - 9
			< 30	3
II	**Hiệu quả sản xuất, kinh doanh**			**50**
1	Chênh lệch thu chi	(tỷ đồng)	≥ 5	20
			1 - < 5	6 - 19
			< 1	5
2	Nộp ngân sách nhà nước	(tỷ đồng)	≥ 2	15
			0,3 - < 2	5 - 14
			< 0,3	4
3	Tỷ lệ tăng trưởng doanh số bảo lãnh cấp tín dụng thực hiện so với kế hoạch	%	≥ 100	15
			75 - < 100	5 - 14
			< 75	4

Khung điểm xếp hạng

Hạng quỹ	I	II	III
Khung điểm	**≥ 90**	**65 - < 90**	**< 65**